

Bản án số: 80/2024/KDTM-PT

Ngày 02/8/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp bê tông  
nhựa và nhựa tươi*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bé.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo.

Bà Trần Thị Thanh Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:** Bà Đặng Ngọc Hoài Linh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2024/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp bê tông nhựa và nhựa tươi*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 97/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 206/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH S. Trụ sở: Lô số I KCN Bắc Chu Lai, xã T, huyện N, tỉnh Q. Địa chỉ liên hệ: Khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Tiến C - Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Đức V, sinh năm 1976. Chức vụ: Trưởng phòng pháp chế (Theo giấy ủy quyền số: 01/GUQ-SD ngày 02/01/2024) và bà Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1972. Chức vụ: Kế toán (Theo giấy ủy quyền số: 05/GUQ-SD ngày 01/02/2024); Địa chỉ liên hệ: Khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

- *Bị đơn:* Tổng Công ty X. Địa chỉ: 77 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang V.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Trịnh Quang H, sinh năm 1970. Chức vụ: Phó phòng TC-KT Cienco 5.5 (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2024). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Tùng S. Địa chỉ: 77 đường N, phường T, quận H, thành phố Đ. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Tổng Công ty X là bị đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Quang V trình bày:* Công ty TNHH S và Xí nghiệp 5 ký kết Hợp đồng kinh tế số: 01/2021/HĐKT/XN5.5-SD ngày 05/7/2021 và Phụ lục hợp đồng số: 01-01/2021/PLHĐ/XN5.5-SD ngày 30/7/2021 về việc cung cấp bê tông nhựa và nhựa tưới; Gói thầu XL: Sửa chữa định kỳ (trung tu) năm 2021 QL1 đoạn KM987÷KM1021+500. Công ty TNHH S đã thực hiện xong những nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Tổng giá trị khối lượng sản phẩm giao nhận đã được hai bên thống nhất nghiệm thu quyết toán vào tháng 09/2021 là 7.530.223.000 đồng; Công ty TNHH S đã xuất đầy đủ hóa đơn GTGT cho Xí nghiệp 5 (Hóa đơn số 0019280 ngày 28/9/2021; Tiền hàng là 6.845.657.273 đồng; Tiền thuế GTGT 10% là 684.565.727 đồng; Tổng tiền là 7.530.223.000 đồng). Tính đến ngày 31/10/2021, Xí nghiệp 5 đã thanh toán cho Công ty TNHH S tổng số tiền là 7.180.223.000 đồng còn nợ lại: 350.000.000 đồng; đây là số tiền mà Xí nghiệp 5 tạm giữ như là một khoản để bảo đảm cho chất lượng sản phẩm Công ty TNHH S cung cấp. Tháng 09/2021, sau khi ký nghiệm thu quyết toán giá trị thực hiện, đối chiếu xác nhận công nợ giữa các bên, Công ty TNHH S đề nghị cung cấp chứng thư bảo lãnh tiền giữ lại có thời hạn 12 tháng để Xí nghiệp 5 hoàn trả tiền giữ lại cho Công ty TNHH S như thỏa thuận. Tuy nhiên, ông Dương Tùng Sơn - Giám đốc Xí nghiệp 5 giải trình do Xí nghiệp tạm thời chưa có nguồn để thanh toán nên đề xuất Công ty TNHH S cho Xí nghiệp 5 thực hiện hoàn trả khi hết thời hạn 12 tháng theo Điều 4 của hợp đồng. Đến tháng 11/2022, đã quá thời hạn 12 tháng (kể từ ngày nghiệm thu quyết toán vào tháng 09/2021) như đã thỏa thuận, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng Xí nghiệp 5 vẫn cố tình trì hoãn không thanh toán. Ngày 29/11/2022, nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Tổng Công ty X yêu cầu trả nợ; sau đó Xí nghiệp 5 đã chủ động liên hệ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng và cam kết sẽ trả dứt điểm 200.000.000 đồng nợ gốc còn lại trước ngày 15/4/2023, đồng thời đề nghị nguyên đơn rút đơn khởi kiện; với tinh thần cảm thông chia sẻ nguyên đơn đã đồng ý rút đơn tạo điều kiện để Xí nghiệp 5 có thời gian bố trí nguồn để trả nợ. Tuy nhiên từ ngày 15/4/2023 đến ngày 30/11/2023, Xí nghiệp 5 không thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng như đã cam kết. Do Xí nghiệp 5 vi phạm những điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng số: 01/2021/HĐKT/XN5.5-SD ngày 05/7/2021 và cam kết trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/02/2023 nên yêu cầu buộc bị đơn là Tổng Công ty X phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 208.600.000 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc: 200.000.000

đồng. Tiền lãi tính từ ngày 14/4/2023 đến ngày 15/4/2024 là 12 tháng x 200.000.000 đồng x 10% = 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 220.000.000 đồng.

- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trịnh Quang H trình bày:* Xí nghiệp 5 là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty X, không có tư cách pháp nhân độc lập. Hợp đồng kinh tế số: 01/2021/HĐKT/XN5.5-SD ngày 05/7/2021 là giao dịch giữa Công ty TNHH S với Xí nghiệp 5.5, Tổng Công ty X không hề biết giao dịch này. Tổng Công ty X cũng không ủy quyền cho Xí nghiệp 5 thực hiện việc ký kết Hợp đồng kinh tế số: 01/2021/HĐKT/XN5.5-SD ngày 05/7/2021 với Công ty TNHH S. Do đó, việc Xí nghiệp 5 ký kết hợp đồng trên với Công ty TNHH S là không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 142 Bộ luật dân sự: Giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện. Tổng Công ty X không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc ký kết hợp đồng trên. Vì vậy, Tổng Công ty X không phải là bị đơn trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp bê tông nhựa và nhựa tươi*” với Công ty TNHH S.

Đối với số tiền các lần Tổng Công ty X chuyển khoản cho Công ty TNHH S đối với Hợp đồng kinh tế số: 01/2021/HĐKT/XN5.5-SD ngày 05/7/2021 là theo đề nghị thanh toán của Xí nghiệp 5 nhờ chuyển giúp chứ không phải nghĩa vụ của Tổng Công ty X đối với Công ty TNHH S.

Đối với ý kiến của Xí nghiệp 5 cho rằng Xí nghiệp 5 được giao việc theo Quyết định số: 850/QĐ-TCT5 ngày 24/6/2021, trong quá trình thi công và thanh toán, hiện nay Tổng Công ty X chưa thanh toán cho Xí nghiệp 5 là không đúng. Đối với dự án này, Tổng Công ty X đã thanh toán xong cho Xí nghiệp 5. Do đó, Xí nghiệp 5 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S. Vì vậy, Tổng Công ty X không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị Nguyên trình bày:* Xí nghiệp 5 xác nhận có nợ Công ty TNHH S số tiền tạm tính đến ngày 03/01/2024 là 208.600.000 đồng, trong đó bao gồm: Số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Tiền lãi là 8.600.000 đồng. Xí nghiệp 5 được giao việc theo Quyết định số: 850/QĐ-TCT5 ngày 24/6/2021. Trong quá trình thi công và thanh toán, dòng tiền đi từ Tổng Công ty X xuống Xí nghiệp 5, khi đó Xí nghiệp mới có nguồn để trả nợ cho khách hàng. Tình hình thực tế hiện nay, Tổng Công ty X còn đang giữ tiền chưa trả cho Xí nghiệp cho nên Xí nghiệp 5 nợ các khách hàng, trong đó có Công ty TNHH S. Nay với tinh thần và trách nhiệm của kế toán Xí nghiệp 5 thì chỉ có hướng xử lý là chờ tiền của Tổng Công ty X trả về cho Xí nghiệp 5 thì mới trả được món nợ trên cho Công ty TNHH S.

Với nội dung nói trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 của Luật thương mại; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp bê tông nhựa và nhựa tươi*” của Công ty TNHH S đối với Tổng Công ty X. Xử:

Buộc Tổng Công ty X phải trả cho Công ty TNHH S tổng số tiền 220.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/4/2024 là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, Bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nêu trên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM-ST: 11.000.000 đồng, Tổng Công ty X phải chịu. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 5.215.000 đồng cho Công ty TNHH S đã nộp theo biên lai thu số 1178 ngày 28/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/5/2024, Tổng Công ty X có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét việc ông Dương Tùng Sơn đại diện cho Xí nghiệp 5 ký hợp đồng kinh tế số: 01/2021/HĐKT/XN5.5-SD ngày 05/7/2021 với Công ty TNHH S có đúng thẩm quyền hay không khi Tổng Công ty X hoàn toàn không ủy quyền cho ông Dương Tùng Sơn hoặc Xí nghiệp 5 thực hiện giao dịch này. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Xí nghiệp 5 là đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty X bắt buộc phải chịu trách nhiệm với giao dịch hoặc hợp đồng mà Xí nghiệp 5 tự thực hiện, bao gồm cả Hợp đồng kinh tế số: 01/2021/HĐKT/XN5.5-SD ngày 05/7/2021 nêu trên, kể cả trường hợp chưa nhận ủy quyền. Điều này không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của Tổng Công ty X thì thấy: Xí nghiệp 5 được Phòng đăng ký kinh doanh thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Chi nhánh thuộc Tổng Công ty X và hoạt động theo ủy quyền của Tổng Công ty X. Căn cứ Điều 1 của Quyết định số: 1104/QĐ-TCTS ngày 08/10/2019 về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Xí nghiệp 5 trực thuộc Tổng Công ty X (sửa đổi, bổ sung). Căn cứ quyết định số: 850/QĐ-TCT5 ngày 24/6/2021 của Tổng Giám đốc của Tổng Công ty X về việc Giao nhiệm vụ cho Xí nghiệp 5 thi công, trong đó có công trình Sửa chữa định kỳ (trùng tu) năm 2021 Quốc lộ 1 đoạn Km 987 + Km 1021 + 500, dự án:

Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 987 + Km 1027, qua tỉnh Quảng Nam theo hình thức BOT. Trên cơ sở đó, Xí nghiệp 5 - Chi nhánh Tổng Công ty X mới ký kết với Công ty TNHH S tại Hợp đồng kinh tế số: 01/2021/HĐKT/XN5.5-SD ngày 05/7/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01- 01/2021/PLHĐ/XN5.5-SD ngày 30/7/2021 về việc cung cấp bê tông nhựa và nhựa tưới liên quan đến việc giao nhiệm vụ trên của Tổng Công ty X. Mặt khác, Tổng Công ty X đã nhiều lần chuyển khoản thanh toán cho Xí nghiệp 5 và Công ty TNHH S theo đề nghị thanh toán của Công ty TNHH S, cụ thể Tổng Công ty X trực tiếp chuyển khoản cho Công ty TNHH S 6.630.223.000 đồng tương ứng hơn 88% tổng giá trị thực hiện hợp đồng, Xí nghiệp 5 đã thanh toán cho Công ty TNHH S hơn 6.000.000.000 đồng. Như vậy, Tổng Công ty X đã mặc nhiên thừa nhận quan hệ giao dịch này giữa Công ty TNHH S và Xí nghiệp 5. Căn cứ vào văn bản đối chiếu công nợ vào ngày 25/02/2023 số dư cuối kỳ Xí nghiệp 5 còn nợ Công ty TNHH S là 200.000.000 đồng. Việc Xí nghiệp 5 không thanh toán số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Đại diện theo ủy quyền của Xí nghiệp 5 cũng đã xác nhận còn nợ số tiền trên. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định Tổng Công ty X là đơn vị chịu trách nhiệm đối với khoản nợ mà hiện nay Xí nghiệp 5 đang nợ Công ty TNHH S là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, có căn cứ buộc Tổng Công ty X phải có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/4/2024 là 20.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[2] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty X.

[3] Về án phí KDTM-ST: Tổng Công ty X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo nên Tổng Công ty X phải chịu án phí KDTM-PT.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty X. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giữa Công ty TNHH S đối với Tổng Công ty X về việc “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp bê tông nhựa và nhựa tưới*”.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty X.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 14/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với Tổng Công ty X về việc “*Tranh chấp hợp đồng cung cấp bê tông nhựa và nhựa tươi*”.

3.1. Buộc Tổng Công ty X phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH S số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/4/2024 là 20.000.000 đồng. Tổng cộng: 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*).

3.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí KDTM-ST: Tổng Công ty X phải chịu: 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*). Hoàn trả lại cho Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.215.000 đồng (*Năm triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001178 ngày 28/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Án phí KDTM-PT: Tổng Công ty X phải chịu: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000298 ngày 16/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bé**